

Bản án số: 1625/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23/11/2018

Về việc “Tranh chấp Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng.

2. Bà Nguyễn Thị Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Gia Phước – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Mộng Điệp – Kiểm Sát Viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3 Tp. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1482/2017/TLST-HNGĐ ngày 20/11/2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 375/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 465/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 02/11/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1975

HKTT: 240/37 Cách Mạng Tháng 8, Phường 10, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1973

HKTT: 240/37 Cách Mạng Tháng 8, Phường 10, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và các biên bản hoà giải, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày như sau:

Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Chí T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hàng Tây, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 49/2004, quyển số 01 ngày 18/8/2004. Quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung là Nguyễn Lê Thảo Vân, sinh ngày 28/9/2004.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ số 240/37 Cách Mạng Tháng 8, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T áp lực công việc nên về nhà gây chuyện với vợ, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên đến khoảng năm

2013 thì bà L và con dọn ra địa chỉ 220/9 Nguyễn Phúc Nguyên , Phường 9, Quận 3 để sinh sống. Tại địa chỉ này, ông T thường xuyên đến gây chuyện, đánh đập vợ con, bà đã nhiều lần trình bày với địa phương về mâu thuẫn vợ chồng tuy nhiên vẫn không hòa giải được. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Chí T.

- Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lê Thảo Vân, sinh ngày 28/9/2004.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Chí T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo hòa giải và giấy triệu tập hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa. Tại bản tự khai ngày 30/11/2017 ông T có nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Thời gian đầu ông và bà L chung sống hạnh phúc tại địa chỉ 240/37 Cách Mạng Tháng 8, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng tháng 8 năm 2017 thì bà L bắt đầu có những mối quan hệ bên ngoài, không quan tâm, chăm sóc cho chồng. Bà L thường dùng những lời lẽ xúc phạm chồng dẫn đến mâu thuẫn và ông đã có hành vi bạo lực với vợ. Tuy nhiên ông đã cố gắng khuyên răn để hàn gắn hạnh phúc gia đình vì tình cảm vợ chồng vẫn còn. Ông muốn vợ chồng chung sống hạnh phúc, chăm lo cho con cái nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lê Thảo Vân, sinh ngày 28/9/2004, ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng.

Tuy nhiên, ông T đã vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải và tại các phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Ông T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Đương sự đã chấp hành qui định pháp luật, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Chí T có địa chỉ tại số 240/37 Cách Mạng Tháng 8, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 theo quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn bà Lê Thị L có “Đơn xin xét xử vắng mặt” về việc yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Chí T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt.

Căn cứ Điều 238 Bộ Luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị L, ông Nguyễn Chí T.

[2] Về hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 49/2004, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Bình Hàng Tây, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 18/8/2004 nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị L và ông Nguyễn Chí T là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày, xác minh của công an Phường 10 và Ủy ban nhân dân Phường 10: ông T có hộ khẩu thường trú tại 240/37 Cách Mạng Tháng 8, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, về mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không nắm rõ.

Hội đồng xét xử nhận thấy đã đủ cơ sở xác định: Trong quá trình chung sống, giữa bà L và ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng không tìm thấy sự thông cảm và chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống gia đình. Vì vậy hai bên đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay.

Ông T có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu của bà L, tuy nhiên ông T vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án và không thể hiện có thiện chí hòa giải. Do đó, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, giữa vợ chồng không có sự thông cảm và tôn trọng lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông T.

Do đó, căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình thì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

của hôn nhân không đạt được, nên nguyên đơn bà L yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông T là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[3] Về con chung:

Căn cứ giấy khai sinh số 205, quyển số 02/2004 do Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cấp ngày 24/11/2004 mang tên trẻ Nguyễn Lê Thảo Vân, sinh ngày 28/9/2004 có cha là ông Nguyễn Chí T và mẹ là bà Lê Thị L.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà L đều có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Vân và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ nguyện vọng của cháu Nguyễn Lê Thảo Vân khai tại Tòa án nhân dân Quận 3: mẹ chăm sóc cháu Vân tốt hơn nên nguyện vọng của cháu là muốn tiếp tục được ở với mẹ.

Tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”*

Tại khoản 1 Điều 69 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“...Cha, mẹ có nghĩa vụ thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển...”*

Tại khoản 1 Điều 71 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên....”*

Căn cứ vào các quy định của pháp luật đã nêu trên thì bà L là người phù hợp nhất để nuôi cháu Vân, bởi lẽ bà L là người gần gũi và có đủ điều kiện chăm sóc con trẻ, trẻ còn nhỏ, lại là con gái nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Liễu về việc giao cháu Vân cho bà Liễu nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử đã giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn nhưng bà L tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy yêu cầu của bà L không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 khi có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L.

1.1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Chí T.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lê Thảo Vân, sinh ngày 28/9/2004 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Ông T được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Không ai có quyền cản trở ông T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền quyết định thay đổi người trực tiếp giữ nuôi hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0019764 ngày 20/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3 là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị L, bị đơn ông Nguyễn Chí T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuyên Đặng Thị Ngọc Hằng

Bùi Duy

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q3, TP.HCM;
- Chi cục THA Dân sự Q3;
- Ủy ban nhân dân xã Hàng Bình Tây.
Huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Duy